**Ngày soạn:19/1/2020**

**Ngày dạy:21/1/2020**

**TIẾT 61**

**NHÂN HAI SỐ NGUYÊN CÙNG DẤU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết dự đoán trên cơ sở tìm ra quy luật thay đổi của một loạt các hiện tượng liên tiếp, từ đó rút ra quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu.

- Xác định được dấu của một tích hai số nguyên và phát hiện được cách đổi dấu tích.

**2. Kỹ năng**

-Tính đúng tích hai số nguyên cùng dấu và đổi được dấu của một tích khi đổi dấu một hoặc hai thừa số của tích.

**3. Thái độ**

**-**HS tích cực, chủ động, hứng thú với tiết học.

**4. Năng lực**

**-**Năng lực chung: Năng lực vận dụng kiến thức, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực tự học.

-Năng lực riêng: Năng lực suy luận logic, năng lực tính toán, năng lực báo cáo, ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.Giáo viên:** Đồ dùng dạy học: thước, bảng phụ, phấn màu, giáo án, tài liệu dạy học.

**2.Học sinh:** Đồ dùng học tập: vở nháp, thước kẻ, chuẩn bị bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**(Thời gian 1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ** (lồng ghép trong tiết dạy)

**3. Bài mới**

1. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (5 PHÚT)**

**Mục tiêu:** Giúp HS ôn lại các kiến thức về bài nhân hai số nguyên khác dấu

**Hình thức DH:** Tổ chức trò chơi

**Thời gian:** 5 phút

**Nội dung hoạt động:**

***1, Trò chơi: Bữa tối bất ngờ***

+Luật chơi: Nam và bố của mình dự định nấu bữa tối để giúp mẹ, các em hãy giúp Nam bằng cách trả lời 5 câu hỏi, nếu trả lời đúng sẽ giúp Nam hoàn thành các món ăn mà bạn ấy dự định nấu. Hãy cùng giúp Nam nhé!

**Câu 1:** Kết quả của phép tính (-125).8 là:

A. 1000 B. -1000 C. -100 D. -10000

**Câu 2:** Chọn câu sai:

A. (-5).25 = -125 B. 6.(-15) = -90

C. 125.(-20) = -250 D. 225.(-18) = -4050

**Câu 3:** Chọn câu trả lời đúng:

A. -365.366 < 1 B. -365.366 = 1

C. -365.366 = -1 D. -365.366 > 1

**Câu 4:** Tính nhanh (-5).125.(-8).20.(-2) ta được kết quả là:

A. -200000 B. -2000000

C. 200000 D. -100000

**Câu 5:** Chọn câu sai:

A. Tích của một số nguyên a với số 0 bằng 0

B. Muốn nhân hai số nguyên khác dấu, ta nhân hai giá trị tuyêth đối của chúng rồi đặt dấu - trước kết quả nhận được

C. Tích của 1 số nguyên a với số 1 bằng 1

D. 5. (-12)= -5.12 = -60

GV nhận xét, đánh giá, nhắc lại kiến thức qua trò chơi.

GV: Dẫn dắt vào bài.

|  |
| --- |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (Thời gian: 20 phút)** |
| **Hoạt động 1: Nhân hai số nguyên dương****Mục tiêu:** Học sinh được củng cố lại cách nhân hai số nguyên dương.**Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại.**Định hướng phát triển năng lực:**  Năng lực tư duy, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa. |
| - GV : Nhân hai số nguyên dương chính là nhân hai số tự nhiên | -Học sinh làm **?1**1. 12 . 3 = 36
2. 5 . 120 = 600
 | **1.Nhân hai số nguyên dương.** Nhân hai số nguyên dương chính là nhân hai số tự nhiên khác 0 . Bài ?1:Tính1. 12 . 3 = 36
2. 5 . 120 = 600
 |
| **Hoạt động 2: Nhân hai số nguyên âm****Mục tiêu:** Học sinh phát biểu được quy tắc nhân hai số nguyên âm, đưa ra được nhân xét tích hai số nguyên âm là một số nguyên dương.**Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại, Hoạt độngnhóm nhỏ.**Định hướng phát triển năng lực:**  Năng lực tư duy, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa. |
| **\*** GV cho HS làm ?2 theo nhóm đôi..\* GV viết lên bảng phân tích của ?2 \*GV : Trong 4 tích này, ta **giữ nguyên thừa số (-4)**, còn **thừa số thứ nhất giảm dần 1 đơn vị**, em thấy các tích như thế nào?\* GV: Theo quy luật đó, em hãy dự đóan kết quả hai tích cuối? \* GV: Khẳng định(-1)(-4) = 4; (-2).(-4) = 8Vậy muốn nhân hai số nguyên âm ta làm thế nào?\* GV chính xác hóa và gọi HS khác phát biểu lại quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.\* GV lấy một ví dụ về nhân hai số nguyên âm và yêu cầu học sinh tự lấy hai ví dụ vào vở.\* GV: Vậy tích của hai số nguyên âm là một số như thế nào?GV: Yêu cầu HS làm ?3\*GV: Muốn nhân hai số nguyên dương ta làm thế nào? Muốn nhân hai số nguyên âm ta làm thế nào?\* GV: Như vậy muốn **nhân hai số nguyên cùng dấu** ta chỉ Việc **nhân hai giá trị tuyệt đối** với nhau Kết luận:SGK | \* HS thảo luận theo nhóm đôi 1phút. \* HS: Các tích tăng dần 4 đơn vị ( hoặc giảm (-4) đơn vị).\* Đại diện một nhóm trả lời, các nhóm khác đối chiếu, nhận xét: (-1)(-4) = 4(-2).(-4) = 8\* HS: Muốn nhân hai số nguyên âm, ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng.\* HS lằng nghe và phát biểu\* HS tự lấy ví dụ\*HS: Tích của hai số nguyên âm là một số nguyên dương.\*HS: Muốn nhân hai số nguyên dương ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng. Muốn nhân hai số nguyên âm, ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng | **2. Nhân hai số nguyên âm****?2**3. (-4) = -122.(-4) =-81.(-4) =-40.(-4) = 0(-1).(-4) =4( -2).(-4) = 8**\* Quy tắc** : SGK. 90.Muốn nhân hai số nguyên âm, ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng.**\*Ví dụ**: (-5).(-20) = 5.20 = 100**?3**a. 5. 17 = 8 5  b. (-15). (-6) =15.6 = 90**Nhận xét:** Tích của hai số nguyên âm là một số nguyên dương. |
| **Hoạt động 3: Kết luận chung****Mục tiêu:** Học sinh phát biểu được kết luận về nhân hai số nguyên.**Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại, Hoạt độngnhóm nhỏ.**Định hướng phát triển năng lực:**  Năng lực tư duy, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa. |
| \* GV: Phát biểu lại quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.\* GV: Quy ước: với mọi số nguyên a ta có: a.0=0.a=0.\* **GV treo bảng phụ ghi kết luận SGK**.90 \***GV:** Từ những nhận xét phần trên, ta có tích của hai số nguyên cùng dấu là một số nguyên dương, tích của hai số nguyên trái dấu là một số nguyên âm, để đơn giản ta có **cách nhận biết dấu của tích**:(giáo viên vừa giới thiệu, vừa ghi bảng)**\*** GV: GV viết bảng **bài tập như sau:****Áp dụng: Tính** **(+7).(-5) =** ........(+7).(+5) = ........(-7).(-5) = .......(-7).(+5)=........ Từ đó rút ra nhận xét: Khi đổi dấu 1 thừa số của tích thì tích như thế nào? Khi đổi dấu hai thừa số của tích thì tích như thế nào?\* GV rút nhận xét như phần chú ý SGK. 91.\* GV: a.b=0 khi nào?\*GV gọi HS đọc to nội dung phần chú ý.\* GV cho HS làm bài tập **?4.**Cho a là một số nguyên dương. Hỏi b là số nguyên dương hay nguyên âm nếu:a. Tích a.b là một số nguyên dương.b. Tích a.b là một số nguyên âm. | \* HS: Muốn nhân hai số nguyên khác dấu ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng rồi đặt dấu “ - ” trước kết quả?\* HS lắng nghe, quan sát.\* HS lắng nghe, quan sát, viết bài.\* Học sinh làm vào vở theo cá nhân và đại diện học sinh đọc đáp án.\* HS rút ra nhận xét.\* HS: a=0 hoặc b=0.\* Một HS đọc bài.\* HS làm ?4 và nêu kết quả. | **3. Kết luận**:SGK.90\* Với mọi a, b, ta có:* a.0=0.a=0
* Nếu a, b cùng dấu thì:

a.b= * Nếu a, b trái dấu thì a.b=-()

\* **CÝ 1(SGK.53)**:Cách nhận biết dấu của tích **Áp dụng: Tính****(+7).(-5) = -35**(+7).(+5) = 35(-7).(-5) = 35. Khi đổi dấu một thừa số thì tích đổi dấu.(-7).(+5)=-35 Khi đổi dấu hai thừa số thì tích không thay đổi.**CÝ 2(SGK.91)****\* CÝ 3(SGK.91):** a.b=0 thì a=0 hoặc b=0.**?4.** a. b là số nguyên dương.b. b là số nguyên âm. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 10 phút)** |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| **Bài 1.** Thực hiện phép tính (Yêu cầu: HS hoạt động cá nhân)1. c)  e)  g)
2. d)  f)  h)
 |
| -GV cho HS làm BT1-PBT vào vở.-HS đứng tại chỗ đọc kết quả phép tính. | -HS làm BT vào vở.-HS nhận xét, chữa bài. | **Bài 1: Tính**1. 16.4=64
2. 5.4=20
3. 13.7=91
4. 15.2=30
5.
6.
7.
8.
 |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (Thời gian: 10 phút)** |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Ghi bảng** |
| **Bài 2.** Tìm một số nguyên biết rằng kết quả của phép tính đem số đó nhân với  rồi cộng với 23 cũng bằng kết quả của phép tính lấy tổng của -12 cộng với chính số đó.  |
| **-**-GV cho HS hoạt động nhóm 4.-Đại diện 1 nhóm lên bảng chữa bài.-GV nhận xét, chữa bài. | **-**HS thảo luận nhóm. | **Bài 2-PBT**Gọi số nguyên cần tìm là x.Theo đề bài có: |
| Hướng dẫn về nhà: |  | **-**HS học thuộc quy tắc nhân số nguyên.**-**HS làm BT 78; 79; 80; 82; 83 SGK-tr91,92. |

**\*RÚT KINH NGHIỆM**